TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2024/HNGĐ-ST;
Ngày: 30/9/2024;
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Hồng Thùy

Bà Nguyễn Thị Kiều Oanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Minh Phương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Phấn - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 33/2023/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2023 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 3335/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Ngọc C, sinh năm 1978;
Địa chỉ: Số G, ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre; có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Wong Chen L, sinh năm 1956;
Địa chỉ: APT BLK C UBI A - 375 S; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/9/2023, bản tự khai ngày 29/12/2023, biên bản hòa giải, nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc C trình bày:

Bà và bị đơn là ông Wong Chen L có quen biết và tìm hiểu nhau sau đó có tiến tới hôn nhân. Ông bà có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 16 tháng 02 năm 2016. Quá trình chung sống ban đầu hạnh phúc, nhưng sau đó bất đồng quan điểm, thường xuyên mâu thuẫn do ông Wong Chen L có tình cảm với người phụ nữ

khác. Trong quá trình chung sống, bà và ông Wong Chen L có 01 con chung là cháu Wong Thái D, sinh ngày 24 tháng 4 năm 2016, hiện cháu D đang sống với bà tại Việt Nam. Ông bà đã ly thân 02 năm.

Do nhận thấy tình cảm không còn, không thể hàn gắn nên bà khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau đây:

- Về quan hệ hôn nhân: bà được ly hôn với ông Wong Chen L.

- Về con chung: Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Wong Thái D. Bà và ông W Chen Leng tự thỏa thuận về cấp dưỡng nuôi con, bà không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết trong vụ án này.

- Về tài sản chung: Bà C tự khai không có, không yêu cầu tòa án xem xét giải quyết trong vụ án này.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án xem xét giải quyết trong vụ án này.

Theo biên bản làm việc ngày 29/12/2023, biên bản hòa giải, bị đơn ông Wong Chen L trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của bà Lê Thị Ngọc C về hoàn cảnh tiến tới hôn nhân, việc đăng ký kết hôn. Ông thừa nhận mâu thuẫn của vợ chồng là bất đồng quan điểm chứ ông không có tình cảm với người phụ nữ khác bên ngoài. Nay bà C kiên quyết ly hôn thì ông không đồng ý lý hôn. Ông vẫn giữ nguyên quan điểm đã trình bày tại Biên bản lấy lời khai ngày 29 tháng 12 năm 2023 và Biên bản hòa giải ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre. Hiện nay, ông làm việc và sinh sống tại Singapore nên vợ chồng ông không còn sống chung với nhau.

Đối với yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà C, ông có ý kiến như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông không đồng ý ly hôn với bà C.

- Về con chung: Ông đồng ý cho bà C tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Wong Thái D.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án xem xét giải quyết trong vụ án này.

- Về tài sản chung: Ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết trong vụ án này.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết trong vụ án này.

Sau khi hòa giải đoàn tụ không thành, Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre đưa vụ án ra xét xử. Tuy nhiên, ông Wong Chen L vắng mặt. Tại phiên tòa sơ thẩm được mở lại, ông Wong Chen L vắng mặt lần thứ hai; bà C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện được ly hôn với ông Wong Chen L, yêu cầu được nuôi con chung và các nội dung khác như đơn khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phát biểu:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 56, 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà C được quyền ly hôn ông Wong Chen L, bà C được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Wong Thái D. Ông Wong Chen L được quyền thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con, ghi nhận việc ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết trong vụ án này. Ghi nhận bà C và ông Wong Chen L tự thỏa thuận về tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết trong vụ án này.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ông W Chen Leng là bị đơn trong vụ án được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông W Chen Leng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Quan hệ tranh chấp giữa bà Lê Thị Ngọc C và ông Wong Chen L là ly hôn. Bà C là nguyên đơn, cư trú tại huyện C, tỉnh Bến Tre; ông Wong Chen L là bị đơn, cư trú tại Singapore nên căn cứ vào khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38 và Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa gia đình và người chưa thành niên Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1] Bà C và ông W Chen Leng xác lập hôn nhân với nhau vào năm 2016 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre, đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 02/2016 ngày 16/02/2013 nên hôn nhân giữa bà C và ông Wong Chen L là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

[2.2] Sau khi kết hôn, quá trình chung sống ban đầu hạnh phúc, nhưng sau đó bà C và ông W Chen Leng bất đồng quan điểm, thường xuyên mâu thuẫn trong cuộc sống nên không sống chung. Theo bà C là do ông W Chen Leng có tình cảm với người phụ nữ khác. Ông Wong Chen L cho rằng sự việc trên là

không có nên ông không đồng ý ly hôn, và hiện nay ông sinh sống và làm việc tại Singapore nên thỉnh thoảng mới về Việt Nam.

Như vậy, tuy ông Wong Chen L không đồng ý ly hôn nhưng ông không đưa ra được giải pháp hàn gắn đoàn tụ. Bà C và ông Wong Chen L hiện sống ở hai quốc gia khác nhau, ông bà không quan tâm quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình trong một thời gian dài; sống ly thân, bỏ mặc nhau.

Hôn nhân giữa bà C và ông Wong Chen L được xem là không có tình nghĩa vợ chồng, lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu ly hôn của bà C đối với ông Wong Chen L là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3] Bà C và ông W Chen Leng không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn nên ghi nhận.

[3] Về con chung: Bà C và ông Wong Chen L có 01 con chung là cháu Wong Thái D, sinh ngày 24 tháng 4 năm 2016. Bà C và ông Wong Chen L thống nhất giao cho bà C tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Wong Thái D. Đồng thời, bà C không yêu cầu ông W Chen Leng phải cấp dưỡng nuôi con nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung: Bà C và ông Wong Chen L đều trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Ghi nhận ý kiến bà C và ông Wong Chen L trình bày không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch: Bà C phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38 và Điều 40, 147, 227, 228, 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 và Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của bà Lê Thị Ngọc C đối với ông Wong Chen L.

1.1. Về hôn nhân: Bà Lê Thị Ngọc C được ly hôn với ông Wong Chen L.

Ghi nhận việc bà Lê Thị Ngọc C và ông W Chen Leng không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn.

1.2. Về con chung: Bà Lê Thị Ngọc C được trực tiếp nuôi con chung là cháu Wong Thái D, sinh ngày 24 tháng 4 năm 2016. Ghi nhận việc bà C không yêu cầu ông Wong Chen L cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và các luật khác có liên quan.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con chung chưa thành niên, theo yêu cầu của bà C và ông Wong Chen L, Toà án có thể thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: Bà C và ông Wong Chen L đều trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

1.4. Về nợ chung: Bà C và ông Wong Chen L trình bày không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Tòa án không nhận được đơn yêu cầu độc lập nào của bên thứ ba nên không giải quyết, nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì các bên đương sự có quyền khởi kiện vụ kiện khác.

2. Án phí sơ thẩm:

Bà Lê Thị Ngọc C phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng bà C đã nộp theo biên lai thu số 0002956 ngày 08 tháng 11 năm 2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre. Bà C đã nộp đủ án phí.

3. Quyền kháng cáo:

- Bà Lê Thị Ngọc C có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa án tuyên án.

- Ông Wong Chen L cư trú ở nước ngoài, không có mặt tại phiên tòa thì được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn là 01 tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre;
- UBND huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thế Hồng